

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2012

THÔNG TƯ

**Quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong
sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về nội dung, trình tự, thủ tục và tổ chức thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau:

a) Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước có liên quan;

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng kiểm tra

Sản phẩm trong sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại điểm p Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá, trừ thiết bị an toàn bức xạ hạt nhân, các nguồn phóng xạ.

Điều 3. Căn cứ để cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá xem xét, tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất

1. Thông tin, cảnh báo về hàng hóa xuất khẩu không phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 32 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Kết quả khảo sát hoặc kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường của cơ quan kiểm tra phát hiện hàng hóa có chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

3. Thông tin xác thực của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước phản ánh về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4. Theo kế hoạch kiểm tra hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra

1. Nghiêm chỉnh thực thi các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; ngăn chặn và xử lý nghiêm vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa từ cơ sở sản xuất; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng.

2. Bảo đảm minh bạch, khách quan, tuân theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các thỏa thuận, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

3. Trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy định về nhãn và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất.

4. Thực hiện trên cơ sở kế hoạch kiểm tra đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc kiểm tra đột xuất nếu có căn cứ theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 3 Thông tư này.

5. Do cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá tiến hành và được thực hiện dưới hình thức đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra do cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá quyết định thành lập.

Chương II

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 5. Nội dung kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất

1. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất, bao gồm:

a) Kiểm tra hồ sơ chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy (đối với các sản phẩm, hàng hoá phải chứng nhận và công bố hợp quy); hồ sơ công bố hợp chuẩn (đối với các sản phẩm, hàng hoá công bố hợp chuẩn); hồ sơ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn (đối với sản phẩm áp dụng hệ thống quản lý chất lượng).

Kiểm tra việc thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng theo Điều 23 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

b) Kiểm tra việc ghi nhãn, nội dung thông tin cảnh báo (đối với các sản phẩm, hàng hoá có quy định về thể hiện thông tin cảnh báo); thông tin, quảng cáo (đối với sản phẩm, hàng hoá có thông tin quảng cáo); thể hiện dấu hợp quy (đối với sản phẩm, hàng hoá phải chứng nhận và công bố hợp quy), dấu hợp chuẩn (đối với sản phẩm, hàng hoá được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn) và các tài liệu đi kèm sản phẩm cần kiểm tra;

c) Trường hợp trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có quy định liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất thì kiểm tra việc thực hiện các quy định này trong quá trình sản xuất sản phẩm;

d) Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp khác của quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất do cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Kiểm tra việc thực hiện và kết quả đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất sản phẩm.

Kiểm tra công tác kiểm soát quá trình sản xuất của cơ sở sản xuất liên quan đến việc tạo thành sản phẩm và duy trì sự đảm bảo chất lượng bao gồm:

a) Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm (tài liệu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm);

b) Kiểm tra toàn bộ hoặc một trong các giai đoạn của quá trình sản xuất (từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm);

c) Kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu (theo tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, việc sử dụng nguyên liệu bị cấm, nguyên vật liệu quá hạn sử dụng);

d) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về trang thiết bị công nghệ và trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm;

e) Kiểm tra hồ sơ tay nghề công nhân và cán bộ kỹ thuật;

g) Các nội dung kỹ thuật cần thiết khác.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan kiểm tra có thể sử dụng chuyên gia thực hiện việc đánh giá theo các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Chuyên gia đánh giá phải độc lập, khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá của mình.

3. Thử nghiệm mẫu để kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Trong quá trình kiểm tra tại cơ sở sản xuất, khi phát hiện sản phẩm có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng thì lấy mẫu sản phẩm để thử nghiệm. Việc lấy mẫu phục vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện như sau:

a) Mẫu được lấy theo phương pháp lấy mẫu quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Trường hợp không có quy định về phương pháp lấy mẫu thì lấy mẫu theo nguyên tắc ngẫu nhiên, đảm bảo mẫu là đại diện cho lô sản phẩm; Mỗi mẫu được chia làm hai đơn vị mẫu, một đơn vị đưa đi thử nghiệm và một đơn vị lưu tại cơ quan kiểm tra; Mẫu lưu sẽ được cơ quan kiểm tra thanh lý sau 03 tháng kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, xử lý và không có khiếu nại;

b) Căn cứ phương pháp thử đối với sản phẩm, đoàn kiểm tra lấy mẫu đảm bảo số lượng sản phẩm để thử nghiệm các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và yêu cầu kiểm tra;

c) Mẫu sản phẩm sau khi lấy phải được niêm phong (theo Mẫu 4.TNPM - phần Phụ lục kèm theo Thông tư), lập biên bản (theo Mẫu 3.BBLM - phần Phụ lục kèm theo Thông tư) có chữ ký của người lấy mẫu, đại diện cơ sở được lấy mẫu. Trường hợp đại diện cơ sở được lấy mẫu không ký vào biên bản lấy mẫu và niêm phong mẫu thì đoàn kiểm tra ghi rõ trong biên bản: “đại diện cơ sở không ký vào biên bản lấy mẫu, niêm phong mẫu”, biên bản lấy mẫu, niêm phong mẫu có chữ ký của người lấy mẫu, Trưởng đoàn kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý;

d) Thử nghiệm mẫu

Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày lấy mẫu, đoàn kiểm tra phải gửi mẫu sản phẩm đến tổ chức thử nghiệm được chỉ định để thử nghiệm.

Điều 6. Chi phí lấy mẫu và thử nghiệm mẫu

Chi phí lấy mẫu và thử nghiệm mẫu thực hiện theo Thông tư liên tịch số 28/2010/TTLT-BTC-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đối với hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

Điều 7. Trình tự và thủ tục kiểm tra

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Xuất trình quyết định kiểm tra (theo Mẫu 1.QĐKT- phần Phụ lục kèm theo Thông tư) trước khi kiểm tra.

2. Tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Lập biên bản kiểm tra (theo Mẫu 2.BBKT- phần Phụ lục kèm theo Thông tư), biên bản lập xong phải có chữ ký của đại diện cơ sở được kiểm tra, đoàn kiểm tra. Trường hợp đại diện cơ sở được kiểm tra không ký biên bản thì đoàn kiểm tra ghi rõ trong biên bản “đại diện cơ sở không ký biên bản”, biên bản có chữ ký của trưởng đoàn kiểm tra và các thành viên đoàn kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý. Trong trường hợp cần lấy mẫu hàng hoá, đoàn kiểm tra lấy mẫu theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

4. Báo cáo cơ quan kiểm tra về kết quả kiểm tra và kiến nghị cơ quan kiểm tra thông báo kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm không đảm bảo chất lượng (theo Mẫu 5.TBKQTN- phần Phụ lục kèm theo Thông tư) cho cơ sở sản xuất được kiểm tra trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả thử nghiệm mẫu.

5. Xử lý kết quả kiểm tra:

Trường hợp phát hiện vi phạm thì đoàn kiểm tra, cơ quan kiểm tra thực hiện xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 8. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra

1. Trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất, khi phát hiện cơ sở sản xuất không thực hiện đúng các yêu cầu của ghi nhãn, tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với sản phẩm và điều kiện liên quan đến quá trình sản xuất thì xử lý như sau:

a) Đoàn kiểm tra lập biên bản, yêu cầu cơ sở sản xuất thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn quy định ghi rõ trong biên bản. Trong thời gian thực hiện các biện pháp khắc phục, cơ sở sản xuất không được đưa sản phẩm không phù hợp ra lưu thông trên thị trường.

Cơ sở sản xuất chỉ được đưa sản phẩm ra lưu thông sau khi đã khắc phục theo đúng các yêu cầu của đoàn kiểm tra, báo cáo việc khắc phục bằng văn bản cho cơ quan kiểm tra.

b) Trường hợp sau khi có yêu cầu của đoàn kiểm tra mà cơ sở sản xuất vẫn tiếp tục vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, mức độ và quy mô ảnh hưởng, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong thời hạn 07 ngày làm việc (kể từ ngày có kết luận về sự tiếp tục vi phạm của cơ sở sản xuất), thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài phát thanh, đài truyền hình) địa phương hoặc trung ương tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, tên sản phẩm không phù hợp và mức độ không phù hợp của sản phẩm (theo Mẫu 6.TBKĐCL - phần Phụ lục kèm theo Thông tư);

c) Sau khi có thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng mà cơ sở sản xuất vẫn tiếp tục vi phạm thì cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày có thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng), lập biên bản vi phạm hành chính, chuyển hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều này, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất, mà kết quả thử nghiệm hoặc có bằng chứng khẳng định sản phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đe dọa đến sự an toàn của người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường thì xử lý như sau:

a) Trưởng đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính (theo Mẫu 12. BBVPHC- phần Phụ lục kèm theo Thông tư), lập biên bản niêm phong (theo Mẫu 8.BBNP- phần Phụ lục kèm theo Thông tư) và niêm phong lô sản phẩm không phù hợp tại nơi sản xuất, kho hàng (theo Mẫu 9.TNPSP- phần Phụ lục kèm theo Thông tư); Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá ra thông báo tạm đình chỉ sản xuất, lưu thông sản phẩm không phù hợp (theo Mẫu 7. TBĐCSX- phần Phụ lục kèm theo Thông tư), yêu cầu cơ sở sản xuất thu hồi sản phẩm không phù hợp đã được đưa ra thị trường, thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời chuyển hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều này và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở sản xuất chỉ được tiếp tục sản xuất sản phẩm sau khi đã thực hiện khắc phục, chấp hành việc xử lý, đồng thời báo cáo bằng văn bản cho cơ quan kiểm tra để cơ quan kiểm tra tiến hành tái kiểm tra và ra thông báo sản phẩm được tiếp tục sản xuất, lưu thông (theo Mẫu 10.TBTTSX- phần Phụ lục kèm theo Thông tư).

3. Hồ sơ chuyển cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm, bao gồm: Quyết định kiểm tra, biên bản kiểm tra, thông báo kết quả thử nghiệm mẫu hoặc bằng chứng khẳng định sản phẩm không phù hợp, biên bản vi phạm hành chính, biên bản niêm phong, thông báo tạm đình chỉ sản xuất, công văn của cơ quan kiểm tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục xử lý theo quy định của pháp luật.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm có trách nhiệm xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho cơ quan kiểm tra biết kết quả xử lý để theo dõi, tổng hợp.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA

Điều 9. Xây dựng kế hoạch kinh phí và báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra

1. Xây dựng kế hoạch kinh phí kiểm tra

Căn cứ tình hình thực hiện kiểm tra chất lượng hàng hoá trên thị trường, chất lượng sản phẩm trong sản xuất, trước ngày 01 tháng 12 cơ quan kiểm tra xây dựng kế hoạch dự toán kinh phí kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất cho năm sau, tổng hợp chung trong kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra

Cơ quan kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm, đột xuất về tình hình và kết quả kiểm tra. Nội dung báo cáo theo Mẫu 11. BCCTKT- phần Phụ lục kèm theo Thông tư.

a) Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổng hợp báo cáo gửi Sở Khoa học và Công nghệ để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng);

b) Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa) tổng hợp báo cáo gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng:

a) Tổ chức thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất xăng, nhiên liệu diesel;

b) Các sản phẩm khác theo yêu cầu công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hoặc theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Kiểm tra các sản phẩm được sản xuất trên địa bàn được quy định tại Điều 2 của Thông tư này, trừ các sản phẩm quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp phát hiện hàng hoá lưu thông trên thị trường không bảo đảm các quy định về chất lượng mà hàng hóa đó được sản xuất tại địa phương khác hoặc thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực khác thì xử lý theo thẩm quyền, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và cơ quan kiểm tra tương ứng tại địa phương nơi sản xuất hàng hoá đó để phối hợp tổ chức kiểm tra trong sản xuất theo quy định.

3. Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước có liên quan: Phối hợp thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Các cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cơ sở sản xuất, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, cơ quan kiểm tra phản ánh kịp thời về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và quyết định.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng CP (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Lưu: VT, TC, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Việt Thanh

Phụ lục
CÁC MẪU BIỂU SỬ DỤNG TRONG VIỆC KIỂM TRA NHÀ NƯỚC
VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
(Kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BKHCN ngày 27 tháng 8 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Quyết định về việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất:
 Mẫu 1. QĐKT
 16/2012/TT-BKHCN
2. Biên bản kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất:
 Mẫu 2. BBKT
 16/2012/TT-BKHCN
3. Biên bản lấy mẫu:
 Mẫu 3. BBLM
 16/2012/TT-BKHCN
4. Tem niêm phong mẫu:
 Mẫu 4. TNPM
 16/2012/TT-BKHCN
5. Thông báo kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm:
 Mẫu 5. TBKQTN
 16/2012/TT-BKHCN
6. Thông báo sản phẩm không đạt chất lượng:
 Mẫu 6. TBKĐCL
 16/2012/TT-BKHCN
7. Thông báo về việc tạm đình chỉ sản xuất, lưu thông:
 Mẫu 7. TBĐCSX
 16/2012/TT-BKHCN
8. Biên bản niêm phong:
 Mẫu 8. BBNP
 16/2012/TT-BKHCN
9. Tem niêm phong lô sản phẩm:
 Mẫu 9. TNPSP
 16/2012/TT-BKHCN
10. Thông báo về việc sản phẩm được tiếp tục sản xuất, lưu thông:
 Mẫu 10. TBTTSX
 16/2012/TT-BKHCN
11. Báo cáo về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất:
 Mẫu 11. BCCTKT
 16/2012/TT-BKHCN
12. Biên bản vi phạm hành chính về chất lượng sản phẩm hàng hóa:
 Mẫu 12. BBVPHC
 16/2012/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (1)

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BKHCN ngày 27 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất;
Căn cứ (2).....;
Xét đề nghị của (3).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất, gồm các thành viên sau đây:

1. Họ tên và chức vụ: Trưởng đoàn
2. Họ tên và chức vụ: Thành viên
3. Họ tên và chức vụ: Thành viên

Điều 2. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất tại(4).....

- Nội dung kiểm tra:
- Đối tượng kiểm tra: Sản phẩm.....
- Chế độ kiểm tra:
- Thời gian kiểm tra: từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Đoàn kiểm tra, (tên cơ sở sản xuất) và các tổ chức cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, (.... đơn vị soạn thảo).

- (1) Thủ trưởng cơ quan kiểm tra ra quyết định;
- (2) Văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ra quyết định;
- (3) Thủ trưởng đơn vị có chức năng tham mưu đề xuất việc kiểm tra;
- (4) Tên cơ sở sản xuất bị kiểm tra.

TÊN CƠ QUAN RA QĐ KIỂM TRA
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Về chất lượng sản phẩm trong sản xuất

Số:.....

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BKHCN ngày 27 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất;
Đoàn kiểm tra về kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất được thành lập theo Quyết định số: /QĐ- ngày tháng năm của.....(1) đã tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm tại (tên cơ sở sản xuất) từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....

Thành phần đoàn kiểm tra gồm:

1.....	Chức vụ:	Trưởng đoàn
2.....		Thành viên
3.....		Thành viên

Với sự tham gia của

1.....	Chức vụ:
2.....	

Đại diện cơ sở được kiểm tra

1.....	Chức vụ:
2.....	

I. Nội dung - kết quả kiểm tra

(Ghi theo các nội dung kiểm tra tại Điều 5 của Thông tư)

II. Nhận xét và kết luận:

(Tại thời điểm kiểm tra sản phẩm phù hợp / không phù hợp với các quy định về chất lượng sản phẩm, nội dung vi phạm...).

III. Yêu cầu đối với cơ sở:

(Khắc phục, sửa chữa và thời hạn thực hiện; các biện pháp xử lý khác: thu hồi sản phẩm, tạm dừng sản xuất...).

IV. Ý kiến của cơ sở được kiểm tra

Biên bản lập bản như nhau và được mọi người tham dự thông qua vào hồi giờ..... ngày.....tháng.....năm..... tại.....

01 bản giao cho cơ sở được kiểm tra, 01 bản lưu tại đoàn kiểm tra ./.

Đại diện cơ sở được kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trưởng đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thành viên đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Trường hợp đoàn kiểm tra liên ngành, số biên bản sẽ theo số cơ quan tham gia kiểm tra và lập biên bản.

(1) Chức danh của người ra Quyết định kiểm tra.

www.LuatVietnam.vn

TEM NIÊM PHONG MẪU

(1)

Tên mẫu

Số thứ tự trong biên bản lấy mẫu :

Ngày lấy mẫu

NGƯỜI LẤY MẪU

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Đóng dấu của cơ quan kiểm tra.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...

....., ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO
Kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số/2012/TT-BKHCN ngày ...tháng... năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất;

Căn cứ Quyết định số ... ngày... (1);

Căn cứ vào biên bản kiểm tra số ngày.....; kết quả thử nghiệm mẫu số.....,

Xét đề nghị của trưởng đoàn kiểm tra..,

..... (2) **THÔNG BÁO**

1. Các mẫu sản phẩm không đạt yêu cầu chất lượng

STT	Tên mẫu, Ký hiệu/ mã hiệu	Tên cơ sở sản xuất	Số lô, cỡ lô, ngày sản xuất (nếu có)	Chỉ tiêu không đạt	Ghi chú

2. Yêu cầu đối với cơ sở được kiểm tra:

(Khắc phục, sửa chữa; các biện pháp xử lý khác: thu hồi sản phẩm, tạm dừng sản xuất..., ghi rõ thời gian thực hiện, hoàn thành, báo cáo kết quả)

Cơ sở sản xuất có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu nội dung thông báo, trưởng đoàn kiểm tra theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiệncủa cơ sở sản xuất.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Cơ sở SX;
- Trưởng đoàn KT (để theo dõi thực hiện);
- Lưu: VT, (... đơn vị soạn thảo).

(1) Ghi quyết định quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan kiểm tra;

(2) Tên cơ quan kiểm tra.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...

....., ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO
Sản phẩm không đạt chất lượng

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BKHCN ngày 27 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất;
Căn cứ thông báo kết quả thử nghiệm mẫu số.....ngày....

(Tên Cơ quan kiểm tra) **THÔNG BÁO**

- Tên sản phẩm:.....
- Ký hiệu/ mã hiệu:
- Số lô, cỡ lô, ngày sản xuất(nếu có):
- Tên cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ:
- Chỉ tiêu không đạt chất lượng:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Cơ quan thông tin đại chúng;
- Lưu: VT, (.... đơn vị soạn thảo).

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-.... , ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO
Về việc tạm đình chỉ sản xuất, lưu thông

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BKHCN ngày 27 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất;
Căn cứ.....(2)
Căn cứ Thông báo kết quả thử nghiệm mẫu số ngày.....
Xét đề nghị của trưởng đoàn kiểm tra...

THÔNG BÁO

1. Tạm đình chỉ sản xuất, đưa ra lưu thông sản phẩm không phù hợp: (tên sản phẩm, ký hiệu/ mã hiệu, số lô, cỡ lô, ngày sản xuất (nếu có)...)
Do (Tên cơ sở sản xuất), địa chỉ:..... sản xuất

2. (Tên cơ sở sản xuất) có trách nhiệm thu hồi, xử lý/ khắc phục đối với sản phẩm không phù hợp trên, trong thời hạn.....ngày. Sản phẩm chỉ được tiếp tục sản xuất, lưu thông sau khi đã thực hiện các hành động khắc phục đạt yêu cầu và được cơ quan kiểm tra ra Thông báo được tiếp tục sản xuất, lưu thông.

3. (2) có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu nội dung thông báo, trưởng đoàn kiểm tra theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện của cơ sở sản xuất.

Nơi nhận:

- Cơ sở sản xuất;
- Cơ quan liên quan (để phối hợp);
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ cơ quan kiểm tra;

(2) Người đại diện theo pháp luật (cơ sở sản xuất).

TÊN CƠ QUAN RA QĐ KIỂM TRA
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN NIÊM PHONG

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BKHCN ngày 27 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất;
Căn cứ Thông báo về việc tạm đình chỉ sản xuất số

Hôm nay, hồi...giờ ... ngày... tháng... năm

Chúng tôi gồm:

Đoàn kiểm tra (Trưởng đoàn và các thành viên đoàn kiểm tra)

- Họ và tên.....Chức vụ . .. Trưởng đoàn

- Họ và tên..... ..Chức vụ..... thành viên

.....

Đại diện cơ sở được kiểm tra

- Họ và tên Chức vụ

Tiến hành niêm phong (lô sản phẩm).... số lượng.... lưu giữ tại (kho cơ sở)

Tình trạng sản phẩm khi niêm phong:

Biên bản này được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau, 01 bản lưu tại cơ quan kiểm tra, 01 bản lưu tại cơ sở được kiểm tra.

Đại diện cơ sở được kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trưởng đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thành viên đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

TEM NIÊM PHONG LÔ SẢN PHẨM

(1)

Tên sản phẩm
Số lượng lô sản phẩm:.....
Tên cơ sở sản xuất
Địa chỉ
Ngày niêm phong

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Đóng dấu của cơ quan kiểm tra.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-

....., ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO
Về việc sản phẩm được tiếp tục sản xuất, lưu thông

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;
Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BKHCHN ngày 27 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất;
Căn cứ.....(1)
Căn cứ đề nghị của (tên cơ sở sản xuất)...;
Căn cứ Thông báo kết quả thử nghiệm mẫu số ngày;
Xét đề nghị của trưởng đoàn kiểm tra....

THÔNG BÁO

1. Sản phẩm (tên sản phẩm, ký hiệu/ mã hiệu...):
của (tên cơ sở sản xuất), địa chỉ: được tiếp tục sản xuất, lưu thông.
2. (Tên cơ sở sản xuất) có trách nhiệm thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá, duy trì đảm bảo sản xuất sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng/ quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Nơi nhận:

- Cơ sở sản xuất;
- Cơ quan liên quan (để phối hợp);
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Chức năng, nhiệm vụ cơ quan kiểm tra.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất

I. Đặc điểm tình hình cơ sở sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý:

(sản phẩm chính, ước tính khối lượng sản phẩm và giá trị (nếu có)

II. Kết quả kiểm tra:

1. Các loại sản phẩm đã kiểm tra;
2. Số cơ sở được kiểm tra và địa bàn kiểm tra;
3. Tình hình chất lượng sản phẩm qua kiểm tra;
4. Tình hình vi phạm, xử lý và một số vụ điển hình:
 - Số vụ vi phạm, xử lý.
 - Các hành vi vi phạm.
 - Một số vụ điển hình: Cơ sở vi phạm, loại sản phẩm (số lượng, trị giá), nội dung vi phạm, hình thức và mức xử lý.
5. Tình hình khiếu nại và giải quyết khiếu nại về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

III. Nhận xét đánh giá chung:

IV. Kiến nghị:

(Các phụ lục kèm theo báo cáo:)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Cơ quan chủ quản (để báo cáo);
- Tổng cục TĐC;
- Lưu: VT, (.... đơn vị soạn thảo).

TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN
ĐOÀN KIỂM TRA
(Theo Quyết định số...../ QĐ-)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-VPHC

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN
Vi phạm hành chính về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Hôm nay, hồi giờ.....ngày.....tháng....năm..... tại.....

Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà) Chức vụ: Trưởng đoàn kiểm tra

2. Ông (bà) Chức vụ:

3. Ông (bà) Chức vụ:

Với sự chứng kiến (nếu có) của:

1. Ông (bà): Nghề nghiệp:

Địa chỉ:

Giấy Chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

2. Ông (bà): Nghề nghiệp:

Địa chỉ:

Giấy Chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với:

Ông (bà)/tổ chức:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số: Ngày cấp:

..... Nơi cấp:

Đã có hành vi vi phạm hành chính như sau:

.....¹

¹ Nếu có nhiều hành vi vi phạm thì ghi cụ thể từng hành vi.

Các hành vi trên đã vi phạm vào Điều... Khoản... điểm Nghị định số của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng .

Ý kiến trình bày của người vi phạm hành chính/đại diện tổ chức vi phạm hành chính: ...

.....

Ý kiến của người làm chứng (nếu có)

Ý kiến của người có thẩm quyền lập biên bản :

Yêu cầu ông (bà)/tổ chức: đình chỉ ngay các hành vi vi phạm.

Biên bản được lập thành bản có nội dung và giá trị như nhau, đã được các bên nhất trí thông qua, ký tên vào từng trang và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản, một bản gửi báo cáo cơ quan kiểm tra, 01 bản chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý.

NGƯỜI VI PHẠM
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)
(Ký, ghi rõ họ tên)²

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

² Nếu không ký, ghi rõ lý do người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản.